TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị T1, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông T vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà T1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 12/12/2019, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày:*

Ông Lê Minh T và bà Phan Thị T1 chung sống với nhau từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 23/10/2008. Trong quá trình chung sống vợ chồng không

hợp tính tình nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Bà T1 thường xuyên bỏ nhà đi, không thông báo cho ông T biết đi đâu, làm gì. Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Tâm được ly hôn với bà Phan Thị T1.

Quá trình chung sống, ông T và bà T1 có 02 người con chung tên Lê Thị Thùy D1, sinh ngày 19/8/2006 và Lê Thị Hồng P, sinh ngày 22/8/2008. Ông Lê Minh T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Lê Thị Thùy D1, sinh ngày 19/8/2006 và Lê Thị Hồng P, sinh ngày 22/8/2008. Ông T không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra, ông T không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

* *Bị đơn bà Phan Thị T1:* Bị đơn đã được Toà án thông báo về việc thụ lý vụ án, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông T đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định; ông T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp quy định của pháp luật. Bị đơn bà T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T1 là trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của ông Lê Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn và về việc nuôi con đối với bị đơn bà Phan Thị T1 có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật tranh chấp là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 13/3/2020 và ngày 31/3/2020 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Minh T và bà Phan Thị T1 chung sống với nhau từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 102 ngày 23/10/2008. Như vậy, hôn nhân giữa ông T và bà T1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Ông T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Bà T1 thường xuyên bỏ nhà đi, không thông báo cho ông T biết đi đâu, làm gì. Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Phan Thị T1. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án triệu tập nguyên đơn, bị đơn đến làm việc, hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn, có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, bị đơn không có mặt. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của bị đơn và nguyên đơn thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải quan tâm, quý trọng, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Từ việc nguyên đơn từ chối hòa giải, bị đơn không tham gia hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân của ông T, bà T1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông T yêu cầu ly hôn với bà T1 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] *Về con chung:*

Ông T và bà T1 có 02 người con chung tên Lê Thị Thùy D1, sinh ngày 19/8/2006 và Lê Thị Hồng P, sinh ngày 22/8/2008. Hiện các cháu đang sống cùng ông T nên ông T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên tên Lê Thị Thùy D1, sinh ngày 19/8/2006 và Lê Thị Hồng P, sinh ngày 22/8/2008, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án niêm yết các văn bản có nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về vấn đề này cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến gì; mặt khác yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của

cháu Lê Thị Thùy D1 và Lê Thị Hồng P. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con chung tên Lê Thị Thùy D1 và Lê Thị Hồng P cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T đối với bà Phan Thị T1 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh T được ly hôn với bà Phan Thị T1.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh ngày 19/8/2006 và Lê Thị Hồng P, sinh ngày 22/8/2008 cho ông Lê Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Minh T về việc không yêu cầu bà Phan Thị T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Minh T và bà Phan Thị T1 đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà ông T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0032346 ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hải Nam